

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2018
V/v ly hôn giữa chị B và anh K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tiến Sử;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 5, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 5, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị B, anh K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/3/2018 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau vào ngày 22/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Cường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh K ở xã Hải Cường một thời gian thì đưa nhau

vào miền Nam làm kinh tế. Quá trình chung sống, mặc dù vợ chồng đã có 2 con chung nhưng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình, quan điểm sống không hợp nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ đầu năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 15/9/2002 và Nguyễn Thị Mỹ Dương, sinh ngày 20/8/2003 hiện cả 2 con đang ở với chị B. Nay ly hôn, chị B nhận nuôi cả 2 con chung mà không yêu cầu anh K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị B.

Về tài sản chung và công nợ: Quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung nên khi ly hôn chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn K có lời khai phù hợp với lời khai của chị B về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo anh K trình bày là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm, công việc và các vấn đề khác. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh K xác nhận vợ chồng có 2 con chung như chị B đã trình bày. Khi ly hôn, vì cả 2 con đều có nguyện vọng ở với chị B nên anh K nhất trí với yêu cầu của chị B, đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung của vợ chồng cho chị B nuôi dưỡng, anh K không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc và thực trạng mâu thuẫn vợ chồng nên chị B, anh K đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Ngoài ra, cũng do điều kiện công việc nên anh K xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn anh Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Cường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 22/01/2002. Do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống không hợp lại không có sự tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm đối với nhau từ đầu năm 2008 đến nay. Do đó, chị B đề nghị xin được ly hôn với anh K; anh K nhất trí thuận tình ly hôn.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 15/9/2002 và Nguyễn Thị Mỹ Dương, sinh ngày 20/8/2003, hiện cả 2 con đang do chị B nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị B có nguyện vọng nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Cháu Duyên và cháu Dương đều có nguyện vọng được ở với mẹ; anh K nhất trí giao 2 con cho chị B nuôi dưỡng, anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu Duyên, cháu Dương, chị B, anh K trong việc nuôi con là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận giao cả 2 con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng, do chị B không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn K đều khai xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung. Khi ly hôn chị B, anh K không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 15/9/2002 và cháu Nguyễn Thị Mỹ Dương, sinh ngày 20/8/2003 cho chị Nguyễn Thị B nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc khi chị B, anh K có yêu cầu khác. Anh K không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị B và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002471 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải Cường: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung

